ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bảng 2
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2013 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm đánh giá			Điểm đạt được	Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Điều tra XXH	Thẩm định			
1.	**Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**	**19.5**						
1.1	**Kế hoạch cải cách hành chính năm**	**3**						
1.1.1	Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm kịp thời (trong Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch) a) Ban hành kịp thời (0.5) b) Ban hành không kịp thời (0.25) c) Không ban hành (0)	0.5						
1.1.2	Xác định nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của Chính phủ, tỉnh và bố trí kinh phí triển khai a) Xác định đầy đủ các nhiệm vụ và bố trí kinh phí (1) b) Không xác định đầy đủ các nhiệm vụ hoặc không bố trí kinh phí (0)	1						
1.1.3	Các kết quả được xác định rõ ràng, cụ thể và định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức a) Đạt yêu cầu (0.5) b) Không đạt yêu cầu (0)	0.5						
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% đến 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
1.2	**Báo cáo CCHC**	**1.5**						

1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm) a) Đủ số lượng báo cáo (0.5) b) Không đủ số lượng báo cáo (0)	0.5						
1.2.2	Thời gian gửi báo cáo (Báo cáo quý gửi trước ngày 08 tháng cuối cùng của quý, báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 08 tháng 6 hàng năm và báo cáo năm gửi trước ngày 03/12 hàng năm) a) 100% báo cáo gửi đúng thời gian quy định (0.5) b) Dưới 100% báo cáo gửi không đúng thời gian quy định hoặc không gửi báo cáo (0)	0.5						
1.2.3	Nội dung báo cáo bám sát đề cương hướng dẫn a) Đạt yêu cầu (0.5) b) Không đạt yêu cầu (0)	0.5						
1.3	**Kiểm tra công tác CCHC**	**2.5**						
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC (có kế hoạch kiểm tra riêng hoặc trong kế hoạch CCHC năm) a) Có kế hoạch kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị (0.5) b) Có kế hoạch kiểm tra từ 20% đến 30% số cơ quan, đơn vị (0.25) c) Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra CCHC (0)	0.5						
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 50% đến 80% kế hoạch (0.5) c) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra a) 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (1) b) Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1						

	được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.25) d) Dưới 50% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý, kiến nghị xử lý hoặc không xử lý, không kiến nghị xử lý (0)							
1.4	**Công tác tuyên truyền CCHC**	**2.5**						
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có kế hoạch tuyên truyền riêng hoặc trong kế hoạch CCHC năm) a) Có kế hoạch (0.5) b) Không có kế hoạch (0)	0.5						
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 50% đến 80% kế hoạch (0.5) c) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
1.4.3	Tác động của tuyên truyền đối với nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức về cải cách hành chính	1						ĐT XHH
1.5	**Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC**	**6**						
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng a) Có thực hiện (1) b) Không thực hiện (0)	1						
1.5.2	Sáng kiến trong CCHC (Tổ chức hội thi, cuộc thi tìm hiểu, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề hoặc áp dụng các mô hình quản lý mới, cách làm đột phá trong cải cách hành chính được dư luận đánh giá cao…) a) Có sáng kiến (1) b) Không có sáng kiến (0)	1						
1.5.4	Ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính dành cho cấp xã a) Ban hành (1) b) Không ban hành (0)	1						
1.5.5	Tổ chức thực hiện Bộ chỉ số cải cách hành chính a) Thực hiện tại 100% xã, phường, thị trấn (1) b) Thực hiện từ 70% - dưới 100% xã, phường, thị trấn	1						

	(0.75) c) Thực hiện từ 50% - dưới 70% xã, phường, thị trấn (0.5) d) Thực hiện dưới 50% xã, phường, thị trấn (0)							
1.5.6	Báo cáo tổng hợp, đánh giá việc thực hiện Bộ chỉ số cấp xã a) Có báo cáo (1) b) Không có báo cáo (0)	1						
1.5.7	Xếp hạng cải cách hành chính trên địa bàn huyện a) Có quyết định xếp hạng (1) b) Không có quyết định xếp hạng (0)	1						
1.6	**Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC**	**4**						
1.6.1	Chất lượng văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1						ĐT XHH
1.6.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC a) Kịp thời (1) b) Chưa kịp thời (0)	1						ĐT XHH
1.6.3	Bố trí nguồn lực cho công tác CCHC (nhân lực, tài chính…) a) Bố trí đầy đủ (1) b) Đã bố trí nhưng chưa đầy đủ (0.5) c) Chưa bố trí (0)	1						
1.6.4	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC a) Có chỉ đạo, đôn đốc (1) b) Không chỉ đạo, đôn đốc (0)	1						ĐT XHH
2	**Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật**	**12.5**						
2.1	**Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**	**4.5**						
2.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND huyện, thị xã, thành phố a) Thực hiện trên 80% kế hoạch. (1) b) Thực hiện từ 70% đến 80% kế hoạch. (0.75) c) Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch. (0.5)	1						

	d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch. (0)							
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL a) Đúng quy định (0.5) b) Không đúng quy định (0)	0.5						
2.1.3	Mức độ phù hợp với tình hình thực tế của VBQPPL do huyện, thị xã, thành phố ban hành a) Trên 80% VB QPPL ban hành phù hợp với tình hình thực tế địa phương. (1) b) Từ 60% - 80% VB QPPL ban hành phù hợp với tình hình thực tế địa phương. (0.5) c) Dưới 60% VB QPPL ban hành phù hợp với tình hình thực tế địa phương. (0)	1						ĐT XHH
2.1.4	Tính khả thi của VBQPPL do huyện, thị xã, thành phố ban hành a) Trên 80% VB QPPL ban hành khả thi (1) b) Từ 60% - 80% VB QPPL ban hành khả thi (0.5) c) Dưới 60% VB QPPL ban hành khả thi (0)	1						ĐT XHH
2.1.5	Tính hiệu quả của VBQPPL do huyện, thị xã, thành phố ban hành a) Trên 80% VB QPPL ban hành hiệu quả (1) b) Từ 60% - 80% VB QPPL ban hành hiệu quả (0.5) c) Dưới 60% VB QPPL ban hành hiệu quả (0)	1						ĐT XHH
2.2	**Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**	**2**						
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật a) Ban hành kịp thời (0.5) b) Ban hành không kịp thời (0.25) c) Không ban hành (0)	0.5						
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật a) Hoàn thành kế hoạch (0.5) b) Không hoàn thành kế hoạch (0)	0.5						

2.2.3	Xử lý kết quả rà soát a) Thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp (1) b) Không thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp (0)	1						
2.3	**Tổ chức và kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại huyện, thị xã, thành phố**	**3.5**						
2.3.1	Tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương và tỉnh ban hành a) Trên 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định (1) b) Từ 70% - 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. (0.5) d) Dưới 50% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. (0)	1						
2.3.2	Ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật a) Ban hành kịp thời (0.5) b) Ban hành không kịp thời (0.25) c) Không ban hành (0)	0.5						
2.3.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
2.3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra a) 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. (1) b) Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.75)	1						

	c) Từ 50% - dưới 70% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.25) d) Dưới 50% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý, kiến nghị xử lý hoặc không xử lý, không kiến nghị xử lý (0)							
2.4	**Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật**	**2.5**						
2.4.1	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật a) Ban hành kịp thời (0.5) b) Ban hành không kịp thời (0.25) c) Không ban hành (0)	0.5						
2.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% đến 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
2.4.3	Các hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật a) Có 3 hình thức trở lên (1) b) Có 2 hình thức (0.75) c) Có 1 hình thức (0.5)	1						
3	**Cải cách thủ tục hành chính**	**11**						
3.1	**Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính**	**6**						
3.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC a) Ban hành kịp thời (0.5) b) Ban hành kế hoạch không kịp thời (0.25) c) Không ban hành (0)	0.5						
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch (0.5) c) Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch (0.25) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						

3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm soát a) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo quy định của Chính phủ (2) b) Không có đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo quy định của Chính phủ (0)	2						
3.1.4	Đề nghị UBND tỉnh cập nhật, công bố TTHC theo quy định của Chính phủ a) Có đề nghị cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan (1) b) Không có đề nghị cập nhật, công bố hoặc có đề nghị nhưng không đầy đủ, không kịp thời (0)	1						
3.1.5	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết a) Thực hiện đầy đủ (0.5) b) Không thực hiện đầy đủ (0)	0.5						
3.1.6	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết a) Trên 80% phản ánh, kiến nghị đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (1) b) Từ 70% - 80% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.75) c) Từ 50% - 70% phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.25) d) Dưới 50% phản ánh, kiến nghị được xử lý, kiến nghị xử lý hoặc không xử lý, kiến nghị xử lý (0)	1						
3.2	**Công khai các thủ tục hành chính**	**5**						
3.2.1	Niêm yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện, thị xã, thành phố a) Niêm yết công khai đầy đủ 100% TTHC (1)	1						

	b) Không niêm yết hoặc niêm yết công khai không đầy đủ (0)							
3.2.2	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Trang Thông tin điện tử huyện, thị xã, thành phố (Website) a) Trên 80% số TTHC (2) b) Từ 70% - 80% số TTHC (1.5) c) Từ 50 – dưới 70% số TTHC (1) d) Dưới 50% số TTHC (0)	2						
3.2.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công khai đầy đủ, đúng quy định TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả a) Trên 80% số cơ quan, đơn vị (2) b) Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị (1.5) c) Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị (1) d) Dưới 50% số cơ quan, đơn vị (0)	2						
4	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**	**25.5**						
4.1	**Thực hiện quy định của Trung ương và của tỉnh trong cải cách tổ chức bộ máy** a) Thực hiện đầy đủ và kịp thời. (1) b) Thực hiện đầy đủ nhưng chưa kịp thời (0.5) c) Không thực hiện đầy đủ.(0)	**1**						
4.2	**Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị trực thuộc**	**4**						
4.2.1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện a) Trên 80% phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ. (2) b) Từ 70% – 80% phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ (1.5) c) Từ 50% - dưới 70% phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có	2						

	đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ (1) d) Dưới 50% phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ (0)							
4.2.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố a) Trên 80% UBND các xã, phường, thị trấn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ. (2) b) Từ 70% – 80% UBND các xã, phường, thị trấn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ (1.5) c) Từ 50% - dưới 70% UBND các xã, phường, thị trấn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ (1) d) Dưới 50% UBND các xã, phường, thị trấn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ (0)	2						
4.3	**Kiểm tra tình hình tổ chức hoạt động của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn**	**3.5**						
4.3.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra a) Có kế hoạch kiểm tra trên 30% cơ quan, đơn vị trực thuộc (0.5) b) Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% cơ quan, đơn vị trực thuộc (0.25) c) Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% cơ quan, đơn vị trực thuộc hoặc không có kế hoạch kiểm tra (0)	0.5						
4.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1.5) b) Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch (1) c) Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1.5						

4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra a) 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. (1.5) b) Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (1) c) Từ 50% - dưới 70% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.5) d) Dưới 50% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý, kiến nghị xử lý hoặc không xử lý, không kiến nghị xử lý (0)	1.5						
4.4	**Thực hiện phân cấp quản lý**	**4**						
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý a) Thực hiện đầy đủ (1) b) Không thực hiện đầy đủ (0)	1						
4.4.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho các đơn vị trực thuộc a) Có thực hiện (1) b) Không thực hiện (0)	1						
4.4.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra a) 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. (1) b) Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý (0.25) d) Dưới 50% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý, kiến nghị xử lý hoặc không xử lý, không kiến nghị xử lý (0)	1						
4.4.4	Ban hành và thực hiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan để thực hiện nhiệm vụ có tính chất liên ngành a) Ban hành và thực hiện đầy đủ (1) b) Ban hành và thực hiện chưa đầy đủ. (0.5) c) Chưa ban hành (0)	1						

4.5	**Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**	**13**						
4.5.1	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại huyện, thị xã, thành phố a) Có thực hiện (0.5) b) Không thực hiện (0)	0.5						
4.5.2	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại xã, phường, thị trấn a) Trên 90% số xã, phường, thị trấn (1) b) Từ 70% - 90% số xã, phường, thị trấn (0.5) c) Từ 50% - dưới 70% số xã, phường, thị trấn (0.25) d) Dưới 50% số xã, phường, thị trấn (0)	1						
4.5.3	Số lượng thủ tục hành chính ở địa phương giải quyết theo cơ chế một cửa a) Trên 80% số TTHC thuộc thẩm quyền của cấp huyện, xã (1) b) Từ 70% - 80% số TTHC thuộc thẩm quyền của cấp huyện, xã (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% TTHC thuộc thẩm quyền của cấp huyện, xã (0.5) d) Dưới 50% số TTHC thuộc thẩm quyền của cấp huyện, xã (0)	1						
4.5.4	Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông a) Từ 15 TTHC trở lên (1) b) Từ 10 – 14 TTHC (0.75) c) Từ 5 – 9 TTHC (0.5) d) Dưới 5 TTHC (0)	1						
4.5.5	Về cơ sở vật chất và trang thiết bị theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả a) Trên 80% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đạt yêu cầu theo quy định (1) b) Từ 70% - 80% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp	1						

	xã và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đạt yêu cầu theo quy định (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đạt yêu cầu theo quy định (0.5) d) Dưới 50% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đạt yêu cầu theo quy định (0)							
4.5.6	Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, thị xã, thành phố a) Đã thực hiện (2) b) Chưa thực hiện (0)	2						
4.5.7	Tỷ lệ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã a) Thực hiện trên 40% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã (1). b) Thực hiện từ 20% - 40%Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã (0,5). c) Chưa thực hiện hoặc dưới 20% (0).	1						
4.5.8	Bố trí công chức tiếp nhận hồ sơ và thực hiện quy định trang phục tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. a) Đạt 100% (1) b) Từ 70% đến dưới 100% (0.5) c) Dưới 70% (0)	1						
4.5.9	Cập nhật đầy đủ, kịp thời và chính xác thông tin các loại sổ (hoặc phần mềm) theo dõi, quản lý hồ sơ tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả a) Đầy đủ 100% tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, xã (1) b) Chưa đầy đủ (dưới 100%) (0)	1						
4.5.10	Nơi đón tiếp tổ chức, cá nhân a) Bảo đảm đủ diện tích theo quy định (1)	1						

	b) Chưa bảo đảm đủ không gian diện tích theo quy định (0)							
4.5.11	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả a) Trên 80% công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có thái độ thân thiện, hòa nhã. (1) b) Từ 60% - 80% công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có thái độ thân thiện, hòa nhã (0.5) c) Dưới 60% công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có thái độ thân thiện, hòa nhã (0)	1						ĐT XHH
4.5.12	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hẹn (có thể kiểm tra xác suất 01 tháng bất kỳ, thời điểm do các Đoàn hoặc Tổ kiểm tra cải cách hành chính xác định). a) Từ 90% - 100% hồ sơ (1.5) b) Từ 80-dưới 90% hồ sơ. (1) c) Từ 60- dưới 80% hồ sơ. (0.5) d) Dưới 60% hồ sơ. (0)	1.5						
5	**Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**	**13.5**						
5.1	**Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm**	**2**						
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc huyện (phòng và tương đương) có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt a) Trên 60% số cơ quan (0.5) b) Từ 30% - 60% số cơ quan (0.25) c) Dưới 30% số cơ quan (0)	0.5						
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt a) Trên 60% số đơn vị (0.5) b) Từ 30% - 60% số đơn vị (0.25) c) Dưới 30% số đơn vị (0)	0.5						

5.1.3	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt a) Trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt (1) b) Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt. (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt (0.5) d) Dưới 50% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt (0)	1						
5.2	**Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức**	**2**						
5.2.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính cấp huyện thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức a) Trên 80% số cơ quan (0.5) b) Từ 50% - 80% số cơ quan (0.25) c) Dưới 50% số cơ quan (0)	0.5						
5.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức a) Trên 80% số đơn vị (0.5) b) Từ 50% - 80% số đơn vị (0.25) c) Dưới 50% số đơn vị (0)	0.5						
5.2.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện bố trí công chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và ngạch công chức a) Trên 80% số cơ quan (0.5) b) Từ 50% - 80% số cơ quan (0.25) c) Dưới 50% số cơ quan (0)	0.5						
5.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện bố trí viên chức theo quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp a) Trên 80% số đơn vị (0.5) b) Từ 50% - 80% số đơn vị (0.25) c) Dưới 50% số đơn vị (0)	0.5						

5.3	**Công tác đào tạo, bồi dưỡng**	**1.5**						
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của huyện a) Ban hành kịp thời (0.5) b) Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành (0)	0.5						
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
5.4	**Đổi mới công tác quản lý công chức**	**2**						
5.4.1	Đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao a) Có thực hiện (0.5) b) Không thực hiện (0)	0.5						
5.4.2	Thực hiện thi nâng ngạch công chức cấp xã theo nguyên tắc cạnh tranh a) Có thực hiện (0.5) b) Không thực hiện (0)	0.5						
5.4.3	Thực hiện chính sách thu hút người có tài năng vào hoạt động của bộ máy hành chính a) Có thực hiện (1) b) Không thực hiện (0)	1						
5.5	**Chất lượng công chức**	**3**						
5.5.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của công chức a) Đạt chuẩn (1) b) Chưa đạt chuẩn (0)	1						
5.5.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của công chức a) Trên 80% công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc (1) b) Từ 60% - 80% công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc (0.5)	1						ĐT XHH

	c) Dưới 60% công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc (0)							
5.5.3	Thái độ phục vụ của công chức a) Trên 80% công chức, viên chức có thái độ phục vụ tốt (1) b) Từ 60% - 80% công chức, viên chức có thái độ phục vụ tốt (0.5) c) Dưới 60% công chức, viên chức có thái độ phục vụ tốt (0)	1						ĐT XHH
5.6	**Cán bộ, công chức cấp xã**	**3**						
5.6.1	Tỷ lệ công chức cấp xã đạt chuẩn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố a) Trên 80% công chức cấp xã đạt chuẩn (1) b) Từ 70% - 80% công chức cấp xã đạt chuẩn (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% công chức cấp xã đạt chuẩn (0.5) d) Dưới 50% công chức cấp xã đạt chuẩn (0)	1						
5.6.2	Tỷ lệ cán bộ cấp xã đạt chuẩn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố a) Trên 80% cán bộ cấp xã đạt chuẩn (1) b) Từ 70% - 80% cán bộ cấp xã đạt chuẩn (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% cán bộ cấp xã đạt chuẩn (0.25) d) Dưới 50% cán bộ cấp xã đạt chuẩn (0)	1						
5.6.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm a) Trên 70% cán bộ, công chức (1) b) Từ 50% - 70% cán bộ, công chức (0.5) c) Dưới 50% cán bộ, công chức (0)	1						
6	**Đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.**	**4.5**						
6.1	**Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP**	**1.5**						

6.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính cấp huyện và đơn vị cấp xã thực hiện cơ chế a) 100% cơ quan, đơn vị hành chính thực hiện (0.5) b) Dưới 100% cơ quan, đơn vị hành chính thực hiện (0)	0.5						
6.1.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại cơ quan hành chính	1						ĐT XHH
6.2	**Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công cập theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP**	**1.5**						
6.2.1	Tỷ lệ số đơn vị sự nghiệp công lập triển khai thực hiện cơ chế a) Trên 80% số cơ quan, đơn vị (0,5) b) Từ 50% - 80% số cơ quan, đơn vị (0,25) c) Dưới 50% số cơ quan, đơn vị (0)	0.5						
6.2.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập	1						ĐT XHH
6.3	**Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập**	**1.5**						
6.3.1	Tỷ lệ số tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ a) Trên 80% số tổ chức (0.5) b) Từ 50% - 80% số tổ chức (0.25) c) Dưới 50% số tổ chức (0)	0.5						
6.3.2	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập	1						ĐT XHH
7	**Hiện đại hoá hành chính**	**13.5**						
7.1	**Ứng dụng công nghệ thông tin**	**6**						
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (ban hành trong quý IV của năm liền trước năm kế hoạch) a) Ban hành kịp thời (0.5) b) Ban hành không kịp thời (0.25)	0.5						

	c) Không ban hành (0)							
7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin a) Thực hiện trên 80% kế hoạch (1) b) Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch (0.75) c) Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch (0.5) d) Thực hiện dưới 50% kế hoạch (0)	1						
7.1.3	Triển khai áp dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tại các cơ quan hành chính cấp huyện a) Trên 80% số cơ quan, đơn vị (0.5) b) Từ 50% - 80% số cơ quan, đơn vị (0.25) c) Dưới 50% số cơ quan, đơn vị (0)	0.5						
7.1.4	Sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc a) Trên 80% số cơ quan, đơn vị. (0.5) b) Từ 50% - 80% số cơ quan, đơn vị (0.25) c) Dưới 50% số cơ quan, đơn vị (0)	0.5						
7.1.5	Mức độ sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc của cán bộ, công chức a) Trên 80% cán bộ, công chức (1) b) Từ 50% - 80% cán bộ, công chức (0.5) c) Dưới 50% cán bộ, công chức (0)	1						ĐT XHH
7.1.6	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến a) Tất cả dịch vụ công trực tuyến đều cung cấp ở mức độ 1, mức độ 2 (0.5) b) Có từ 10 dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 3 (1) c) Có từ 2 dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 4 (1)	2.5						
7.2	**Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử**	**3.5**						
7.2.1	Xây dựng và duy trì trang thông tin điện tử huyện, thị xã, thành phố	0.5						

	a) Có (0.5) (địa chỉ web:.....) c) Không có (0)							
7.2.2	Tính kịp thời của thông tin a) Kịp thời (1) b) Chưa kịp thời (0)	1						ĐT XHH
7.2.3	Tính đầy đủ của thông tin a) Đầy đủ (1) b) Chưa đầy đủ (0)	1						ĐT XHH
7.2.4	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin a) Thuận tiện (1) b) Chưa thuận tiện (0)	1						ĐT XHH
7.3	**Áp dụng Hệ thống quản lý chấ lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008**	**4**						
7.3.1	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 a) Trên 80% số cơ quan, đơn vị. (1) b) Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị (0.5) d) Dưới 50% số cơ quan, đơn vị (0)	1						
7.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 a) Trên 70% số cơ quan, đơn vị. (1) b) Từ 50% - 70% số cơ quan, đơn vị (0.5) c) Dưới 50% số cơ quan, đơn vị (0)	1						
7.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng quy trình ISO trong hoạt động a) Trên 80% số cơ quan, đơn vị.(1) b) Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị (0.5) d) Dưới 50% số cơ quan, đơn vị (0)	1						
7.3.4	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy trình ISO trong hoạt động	1						

	a) Trên 80% số cơ quan, đơn vị.(1) b) Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị (0.75) c) Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị (0.5) d) Dưới 50% số cơ quan, đơn vị (0)							
	Tổng điểm đạt được	**100**						